

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2020/HS-ST

Ngày: 22 - 9 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Chân

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trương Văn Thảo

- Ông Huỳnh Văn Hiếu

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lý Chí Nam, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2020, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố K xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 68/2020/TLST-HS ngày 25 tháng 8 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2020/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 9 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thị Tố P, sinh năm 1970, tại: thành phố K, tỉnh An Giang; nơi đăng ký thường trú: tổ 28, khóm E, phường PA, thành phố K, tỉnh An Giang; chỗ ở hiện nay: tổ 4, khóm U, phường PA, thành phố K, tỉnh An Giang; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: đạo Phật; trình độ học vấn: 11/12; nghề nghiệp: không; con ông Nguyễn Văn A (chết) và bà Nguyễn Thị A (chết); chồng: Trần Văn Cm (sinh năm 1968); có 03 con (lớn nhất sinh năm 1992, nhỏ nhất sinh năm 2002); anh chị em ruột có 06 người, bị cáo là người thứ hai.

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo tại ngoại, áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 25/5/2020 cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

2. Trần Thị L, sinh năm 1995, tại: thành phố K, tỉnh An Giang; nơi cư trú: tổ 28, khóm E, phường PA, thành phố K, tỉnh An Giang; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: đạo Phật; trình độ học vấn: 8/12; nghề nghiệp: nội trợ; con ông Trần Văn Cm (sinh năm 1968) và Nguyễn Thị Tố P

(sinh năm 1970, bị cáo trong cùng vụ án); chồng: Nguyễn Văn K (sinh năm 1981); có 01 con (sinh năm 2019); anh chị em ruột có 03 người, bị cáo là người thứ hai.

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo tại ngoại, áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 25/5/2020 cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

- Trương Thị T1 (Hg), sinh năm 1990; địa chỉ: tổ 13, ấp Mh, xã Mg, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang; có mặt.

- Trương Văn T2, sinh năm 1986; địa chỉ: tổ 13, ấp Mh, xã Mg, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang; có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại Trương Văn T2: Luật sư Trần Chí Xg, sinh năm 1976, Văn phòng Luật sư Hồ Hoàng P, thuộc đoàn Luật sư tỉnh An giang; có mặt.

Người làm chứng:

- Ông Lê Hữu Đ, sinh năm 1961; vắng mặt.

- Bà Đoàn Thị M, sinh năm 1969; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Biết sự việc bị cáo Trần Thị L (vợ hiện tại của Nguyễn Văn K) có mâu thuẫn với Trương Thị T1 (vợ đã ly hôn với K) trên mạng xã hội. Nên vào khoảng 16 giờ 20 ngày 21/01/2020, biết được tin T1 và Trương Văn T2 (anh ruột của T1) đến nhà của K thuộc tổ 28, khóm E, phường PA, thành phố K, tỉnh An Giang để rước cháu Nguyễn Gia Bảo (con của T1 và K), nên bị cáo P hai tay cầm hai khúc gỗ, mỗi khúc dài khoảng 60cm đến 70cm, ngang 02cm đến 03cm đi đến gặp T1. Đi đến nhà của bà Đoàn Thị M (cạnh nhà của K), chỉ thấy T2 nên giữa bị cáo P và T2 cãi nhau. Khi T2 quay người vào trong nhà bà M thì bị cáo P dùng khúc gỗ đánh 01 cái vào vai trái của T2, T2 xoay người ra thì bị cáo P tiếp tục dùng khúc gỗ đánh 01 cái nữa theo hướng từ trên xuống nhưng T2 dùng tay trái đỡ nên trúng vào tay. Lúc này, T2 áp sát bị cáo P ra hướng ngoài đường, dùng tay phải đánh 02 cái vào vai bị cáo P, bị cáo P liên tục dùng khúc gỗ đánh vào đầu T2 nhiều cái. Nghe tiếng cãi, đánh nhau, bị cáo L đang ở trong nhà K chạy ra, thấy bị cáo P và T2 đang đánh nhau nên bị cáo L dùng nón bảo hiểm (loại nửa đầu) đánh từ phía sau 02 đến 03 cái vào đầu T2, T2 giật lấy khúc gỗ đánh 01 cái vào đầu bị cáo L, 01 cái vào đầu và 01 cái vào vai bị cáo P, bị cáo L giật lại khúc gỗ, đánh 01 cái vào đầu T2, bị cáo P dùng khúc gỗ còn lại đánh 01 cái trúng vào vai trái. Sau đó, T2 đi vào nhà bà M, được bà M khóa cửa rào lại.

Bên ngoài, L cầm mũ bảo hiểm và cây chổi đập vỡ kính đồng hồ đo tốc độ và móp phía bên phải tay nâng sau xe mô tô biển số 67D1-901.07 của tèo. Lúc này, Công an phường PA mời những người liên quan đến trụ sở làm việc. Tại trụ sở Công an phường PA, nhìn thấy T1 nên bị cáo P đã dùng cục gạch ném vào ngực T1 gây thương tích.

Vật chứng thu giữ: 01 mũ bảo hiểm, màu xanh, có ghi chữ “Nón Sơn”; 01 viên gạch thẻ, vỡ hai mảnh); 15.000.000 đồng do các bị cáo L, P giao nộp, tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại T2.

Các Kết luận giám định pháp y về thương tích số 111, 112, 113 và 114/19/TGT cùng ngày 27/3/2020 của Trung tâm pháp y thuộc sở y tế An Giang ghi nhận lần lượt như sau:

- *Thương tích của Trương Thị T1*: Vết sẹo thứ nhất: kích thước (03 x 0,4)cm, rất mờ, phẳng, gần tiếp màu da lành; vết sẹo thứ hai: kích thước (3,5 x 0,3)cm, rất mờ, phẳng, hồng nhạt; vết sẹo thứ ba: kích thước (3,5 x 0,3)cm, mờ, phẳng, hồng nhạt; vết sẹo thứ tư: kích thước (03 x 0,5)cm, mờ, phẳng, hồng nhạt.

Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 02%.

- *Thương tích của Trương Văn T2*: Sẹo dính phải: kích thước (2,2 x 0,6)cm, phẳng, bờ không đều, tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể là 01%; Cổ phải, vai trái không thương tích tồn tại, tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể là 0%; Gãy 1/3 giữa xương trụ trái, điều trị bảo tồn, tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể là 10%.

Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do tất cả thương tích gây nên hiện tại là 11%.

- *Thương tích của Trần Thị L*: Sẹo vùng cằm, kích thước (2,5 x 0,7)cm, bờ nhám nhở.

Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 02%.

- *Thương tích của Nguyễn Thị Tố P*: Sẹo dính kích thước (5,5 x 0,5)cm, hơi lồi, bờ không thẳng, nhám nhở, tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể là 03%; sẹo dính hình tròn kích thước (0,8 x 0,7)cm, hồng, lồi, tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể là 01%; sưng bàn tay trái không tồn tại, tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể là 0%.

Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do tất cả thương tích gây nên hiện tại là 04%.

Tất cả thương tích của P, L, T1, T2 đều được xác định do vật tày gây nên.

Theo Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 89/KL-ĐG ngày 17/4/2020 của Hội đồng Định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố K, ghi

nhận: 01 mặt kính đồng hồ nhựa đo tốc độ, trị giá 140.000 đồng; 01 tay nâng nhựa xi, trị giá 100.000 đồng. Tổng cộng giá trị thiệt hại tài sản xe mô tô biển số 67D1-901.07 của T2 là 240.000 đồng.

Bị cáo P, bị cáo L và T2 đều có yêu cầu khởi tố. Cùng ngày 10/7/2020, các bị cáo P, L có yêu cầu rút truy tố đối với T2, T2 có yêu cầu rút truy tố đối với P, L. Ngày 28/7/2020, Cơ quan điều tra đình chỉ điều tra bị can đối với T2.

Cáo trạng số 68/CT-VKSCĐ ngày 25/8/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố K truy tố Nguyễn Thị Tố P và Trần Thị L về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (sau đây viết tắt là Bộ luật Hình sự).

Trong quá trình điều tra, các bị cáo P, L, các bị hại T2, T1 và người làm chứng M có lời khai giống như nội dung sự việc nêu trên.

Các bị cáo P, L cùng có lời khai: Thống nhất với kết luận giám định thương tích của P, L, T1, T2 và kết luận định giá tài sản; không chấp nhận bồi thường thiệt hại cho bị hại T2 theo mức T2 yêu cầu. Đồng ý cùng bồi thường 15.000.000 đồng cho T2.

Tại phiên tòa,

Các bị cáo P, L có lời khai nhận tội như nội dung vụ án thể hiện và nội dung cáo trạng.

Bị cáo L giao nộp Giấy khám sức khỏe xác định bị cáo L đang mang thai.

Bị hại T2 và T1 có lời khai như lời khai thể hiện ở giai đoạn điều tra.

Giữa bị cáo P, bị cáo L và T2 thống nhất thỏa thuận: L có trách nhiệm bồi thường cho T2 số tiền 240.000 đồng do hành vi làm thiệt hại xe mô tô biển số 67D1-901.07 của L gây ra; L và P có trách nhiệm liên đới bồi thường cho T2 60.000.000 đồng do hành vi gây thương tích của L và P đối với T2.

Trong phát biểu luận tội, Kiểm sát viên trình bày:

Giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo P, L về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Về vai trò đồng phạm: Trong vụ án này có đồng phạm nhưng tính chất đồng phạm giản đơn, không có sự cấu kết và phân công vai trò chặt chẽ khi thực hiện tội phạm, các bị cáo chỉ thống nhất ý chí cùng thực hiện tội phạm. Bị cáo P là người có vai trò tích cực nhất trong vụ án, chuẩn bị hung khí, trực tiếp dùng khúc gỗ đánh bị hại T2 gây thương tích với tỷ lệ thương tật 11%. L phạm tội với vai trò giúp sức, hỗ trợ, cùng thực hành dùng nón bảo hiểm, khúc gỗ đánh hình thành thương tích trên người bị hại nên cần phải cụ thể hóa hình phạt đối với từng bị cáo tương ứng với hậu quả thương tích gây ra đối với người bị hại để áp dụng một mức hình phạt tương xứng với tính chất và mức độ phạm tội của từng

bị cáo.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo thành khẩn khai báo; thuộc thành phần nhân dân lao động, hiểu biết pháp luật có phần hạn chế; các bị cáo không tiền án, tiền sự, nhất thời phạm tội, đã tự nguyện giao nộp số tiền 15.000.000 đồng bồi thường thiệt hại cho bị hại và người bị hại có một phần lỗi (đánh nhau với các bị cáo), có đơn yêu cầu xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Đối với bị cáo P, là phụ nữ lớn tuổi, thường xuyên bị bệnh, đang nuôi con nhỏ có độ tuổi đi học, bị cáo là lao động duy nhất của gia đình. Đối với bị cáo L, sống chung gia đình bên chồng, đang nuôi con nhỏ. Xét thấy, các bị cáo đủ điều kiện để hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại*”, “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*”, quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo L đang mang thai nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm n khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo L có nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự có thể xem xét áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Trong thời gian tại ngoại, các bị cáo luôn chấp hành tốt chính sách pháp luật, quy định địa phương, không phạm tội hoặc vi phạm nào khác; có khả năng tự cải tạo, việc cho các bị cáo được cải tạo, giáo dục, chấp hành án dưới sự giám sát, giáo dục tại địa phương là để tạo điều kiện tốt nhất vừa chăm sóc gia đình, người thân đang rất cần các bị cáo, vừa để các bị cáo tự tu dưỡng, rèn luyện chấp hành pháp luật như vậy cũng là phù hợp chính sách hình sự mới nhân đạo của Nhà nước, không gây ảnh hưởng xấu đến công cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm và an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Vì vậy, đề nghị HDXX áp dụng Điều 65 BLHS để xem xét mức hình phạt các bị cáo.

Về hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 BLHS:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Tố P từ 02 năm đến 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 04 năm đến 05 năm.

Áp dụng thêm điểm n khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Trần Thị L từ 01 năm đến 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 02 năm đến 04 năm.

Cùng về tội “*Cố ý gây thương tích*”. Giao các bị cáo P, L cho Ủy ban nhân dân phường PA, thành phố K, tỉnh An Giang để giám sát, giáo dục trong thời gian các bị cáo thử thách.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị công nhận sự thỏa thuận của các bị cáo và bị hại.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 46, Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy 01

nón bảo hiểm, 02 mảnh vỡ gạch thẻ; tạm giữ số tiền 15.000.000 đồng để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án của các bị cáo bồi thường cho T2.

Đối với Trương Văn T2 có hành vi dùng khúc gỗ đánh các bị cáo L, P gây thương tích tổng cộng 06%, các bị cáo L, P không yêu cầu khởi tố, Cơ quan điều tra đình chỉ điều tra là đúng quy định; cần công khai giáo dục tại phiên tòa.

Luật sư Trần Chí Xg – người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại T2 trình bày: Các bị cáo và bị hại T2 đã thống nhất với nhau về trách nhiệm bồi thường thiệt hại nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bị hại T2 thống nhất ý kiến của Luật sư Xg, không có ý kiến khác; bị hại T1 không có ý kiến tranh luận.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận. Trong lời nói sau cùng, bị cáo xin lỗi bị hại, xin được xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về tố tụng,

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an nhân dân thành phố K; Điều tra viên; Viện Kiểm sát nhân dân thành phố K; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

[2] Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến khiếu nại nên về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện.

[3] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Người làm chứng Đoàn Thị M và Lê Hữu Đ đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ nhưng đều vắng mặt. Tuy nhiên, những người này đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự quyết định vẫn tiến hành xét xử.

Về nội dung,

[4] Hành vi phạm tội:

Lời khai nhận của các bị cáo P, L tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo, các bị hại T1, T2, người làm chứng M ở giai đoạn điều tra, truy tố; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác gồm: Biên bản khám nghiệm hiện trường (kèm theo bản ảnh hiện trường) do Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an thành phố K lập ngày 05/02/2019; Biên bản phát hỏa lại hung khí; các Kết luận

giám định pháp y về thương tích số 111, 112, 113 và 114/19/TGT cùng ngày 27/3/2020 của Trung tâm pháp y thuộc sở y tế An Giang ghi nhận thương tích của P, L, T2, T1; Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 89/KL-ĐG ngày 17/4/2020 của Hội đồng Định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố K và vật chứng được thu giữ.

Từ đó, có căn cứ xác định:

Do tức giận việc T1 nói xấu L trên mạng xã hội nên vào khoảng 16 giờ 20 phút, ngày 21/01/2020, bị cáo P đã có hành vi chuẩn bị 02 khúc gỗ dài khoảng 60 đến 70cm, ngang khoảng 02 đến 03cm, mục đích tìm T1 để đánh. Đi đến nhà bà M, không thấy T1 mà chỉ thấy T2 nên bị cáo P cãi nhau với T2. Tại vị trí trong sân nhà bà M, bị cáo đã dùng khúc gỗ đánh vào vai trái của T2 không gây thương tích, đánh vào tay trái của T2 gây thương tích gãy 1/3 giữa xương trụ tay trái với tỷ lệ tổn thương cơ thể 10%. T2 áp sát, đẩy bị cáo P ra ngoài đường, dùng tay đánh vào vai P, P liên tục dùng khúc gỗ đánh nhiều cái vào đầu T2 gây thương tích 01%. Nghe lớn tiếng và thấy P và T2 đánh nhau nên bị cáo L chạy, dùng nón bảo hiểm đánh 02 đến 03 cái vào đầu T2, T2 giật lấy khúc gỗ đánh 01 cái vào đầu bị cáo L, 01 cái vào đầu và 01 cái vào vai bị cáo P, bị cáo L giật lại khúc gỗ, đánh 01 cái vào đầu T2, bị cáo P dùng khúc gỗ còn lại đánh 01 cái trúng vào vai trái T2.

Sau đó, T2 đi vào nhà bà M, được bà M khóa cửa rào lại. Bên ngoài, L cầm mũ bảo hiểm và cây chổi đập vỡ kính đồng hồ đo tốc độ và mốp phía bên phải tay nâng sau xe mô tô biển số 67D1-901.07 của T2. Lúc này, Công an phường PA mời những người liên quan đến trụ sở làm việc. Tại trụ sở Công an phường PA, nhìn thấy T1 nên bị cáo P đã dùng cục gạch ném vào ngực T1 gây thương tích .

Như vậy, xác định hành vi của bị cáo P là dùng 02 khúc gỗ, hành vi của bị cáo L là dùng nón bảo hiểm, đều là hung khí nguy hiểm đánh T2, gây tổng tỷ lệ thương tích là 11%; ngoài ra, P còn dùng gạch thẻ cũng là hung khí nguy hiểm ném gây thương tích cho T1 với tỷ lệ thương tích 02%.

Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi gây thương tích cho bị hại là xâm phạm quyền bất khả xâm phạm sức khỏe của người khác nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, hành vi của các bị cáo P và L đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” với tình tiết định khung tăng nặng “dùng hung khí nguy hiểm” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Do đó Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố K truy tố các bị cáo và lời buộc tội của Kiểm sát viên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Quyền được an toàn về sức khỏe là một trong những quyền cơ bản của công dân, được pháp luật ghi nhận và bảo vệ. Người nào xâm phạm đến sức khỏe người khác một cách trái pháp luật, đáp ứng quy định của pháp luật hình

sự sẽ bị áp dụng chế tài nghiêm khắc nhất, là hình phạt. Bị cáo gây thương tích cho người bị hại tại khu vực có nhiều người đang sinh sống. Cho nên, hành vi của bị cáo không những xâm phạm đến sức khỏe của người khác mà còn làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Do đó, cần xử phạt nghiêm bị cáo để đảm bảo mục đích răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Về đồng phạm:

Các bị cáo P, L cùng thực hiện hành vi “Cố ý gây thương tích” cho bị hại T2. Tuy có cùng chung ý chí nhưng giữa P và L không có sự sắp xếp, phân công vai trò từ trước nên là đồng phạm giản đơn và cùng là người thực hành. Trong đó, bị cáo P là người giữ vai trò chính, trực tiếp gây thương tích cho bị hại với tỷ lệ tổng cộng 11% nên phải chịu trách nhiệm nặng hơn.

[6] Xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo P, L đã thể hiện thái độ thành khẩn khai báo; tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại T2 15.000.000 đồng; có một phần lỗi của bị hại T2, bị hại T2 có đơn yêu cầu bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; bị cáo P đang mắc các bệnh lý do lớn tuổi; bị cáo L đang nuôi con nhỏ nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo L đang mang thai nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Về hình phạt:

Các bị cáo P, L có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, không có tình tiết tăng nặng; các bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, xét thấy không cần phải cách ly các bị cáo cũng có khả năng tự cải tạo và việc cho các bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Nên đủ điều kiện áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho các bị cáo. Đồng thời, đủ điều kiện áp dụng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt theo quy định tại khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự cho bị cáo L.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Việc thống nhất của các bị cáo P, L và bị hại T2 tại phiên tòa trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, nên công nhận: Bị cáo L có trách nhiệm bồi thường thiệt hại xe mô tô biển số 67D1-90.107 cho T2 số tiền 240.000 đồng; bị cáo P và bị cáo L có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại do hành vi gây thương tích cho T2 số tiền 60.000.000 đồng.

[9] Về xử lý vật chứng: 01 mũ bảo hiểm, màu xanh, có ghi chữ “Nón Sơn”; 01 viên gạch thẻ, vỡ hai mảnh là công cụ L và P dùng để gây thương tích cho T2 và T1, không có giá trị sử dụng. Xét tịch thu tiêu hủy.

[10] Án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Tố P và bị cáo Trần Thị L phạm tội: “Cố ý gây thương tích”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Tố P: 02 (hai) năm tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (bốn) năm kể từ ngày tuyên án 22/9/2020 (hai mươi hai, tháng chín, năm hai nghìn không trăm hai mươi).

Căn cứ thêm điểm n khoản 1 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Trần Thị L: 01 (một) năm tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm kể từ ngày tuyên án 22/9/2020 (hai mươi hai, tháng chín, năm hai nghìn không trăm hai mươi).

Giao bị cáo Nguyễn Thị Tố P và bị cáo Trần Thị L cho Ủy ban nhân dân phường PA, thành phố K, tỉnh An Giang để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo (bị cáo Nguyễn Thị Tố P và bị cáo Trần Thị L) cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ các Điều 584, 587, 589, 590 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Buộc Trần Thị L có trách nhiệm bồi thường cho Trương Văn T2 số tiền 240.000 (hai trăm bốn mươi nghìn) đồng.

Buộc Trần Thị L và Nguyễn Thị Tố P có trách nhiệm liên đới bồi thường cho Trương Văn T2 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ Luật Dân Sự năm 2015.

Căn cứ Điều 46, Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) mũ bảo hiểm màu xanh, có gắn vành nhựa màu đen, trên mũ có ghi chữ “NÓN SƠN”, đã qua sử dụng; 01 (một) viên gạch thẻ màu đỏ bị vỡ làm hai cục, trong đó 01 (một) cục gạch kích thước (10x7,8x4,1)cm, 01 (một) cục gạch kích thước (9,4x7,8x4,1)cm.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 29/7/2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố K với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố K).

Tiếp tục tạm giữ số tiền 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng theo Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 07 tháng 7 năm 2020 (nộp tiền bồi thường cho bị hại theo Quyết định xử lý vật chứng số 77 ngày 07/7/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố K) để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án của các bị cáo P và L.

Căn cứ Điều 135, 136 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Tố P và bị cáo Trần Thị L, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Trần Thị L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Tố P và bị cáo Trần Thị L phải có trách nhiệm liên đới chịu 3.000.000 (ba triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND thành phố (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà Tạm giữ (2);
- Phòng hồ sơ (1);
- Chi cục THADS thành phố (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- Bị cáo;
- Bị hại.
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Quang Chân